

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Huy Cường; bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2022/TLST-HN&GD ngày 11 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 2, ấp VĐ, xã VT, thị xã TB, tỉnh AG; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1978, nơi cư trú: tổ 2, ấp VĐ, xã VT, thị xã TB, tỉnh AG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2022 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H với ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Nay, bà với ông B đã không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng, bà với ông B có 04 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998, Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, Nguyễn Thị T, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 30/4/2011. Các con chung Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T đã thành niên và có khả năng lao động, còn Nguyễn Thị Cẩm H1 hiện đang sống cùng bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Cẩm H1, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu:

Về tố tụng, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà H, ông B là vợ chồng; giao con chung Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 30/4/2011 cho bà H được tiếp tục nuôi dạy, ông B không cấp dưỡng nuôi con chung; đối với tài sản chung, nợ chung: không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy:

**** Về tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Ông B có nơi cư trú trên địa bàn thị xã Tịnh Biên. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa; ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông B.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, con chung của bà H, ông B là Nguyễn Thị Hoa nhận thay văn bản tố tụng và thông báo nội dung khởi kiện của bà H cho ông B biết nhưng ông B không đến Tòa án để làm việc, thông qua Nguyễn Thị Hoa ông B có lời khai xác định đồng ý theo các yêu cầu khởi kiện của bà H.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Bà H và ông B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

[4] Về con chung, cấp dưỡng: Bà H và ông B cùng thống nhất trong thời gian chung sống có 04 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998, Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, Nguyễn Thị T, sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 30/4/2011. Các con chung Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998, Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, Nguyễn Thị T, sinh năm 2003 đều đã thành niên và có khả năng lao động. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 30/4/2011 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà H thấy rằng, cháu Hương có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà H, ông B thống nhất giao cháu H1 cho bà H tiếp tục nuôi dạy, ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét việc bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Cẩm H1, ông B không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà H, ông B không yêu cầu nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí sơ thẩm, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng.

Về con chung, cấp dưỡng: bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Cẩm H1, sinh ngày 30/4/2011; ông Nguyễn Văn B không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn B trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2022/0008661 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung